

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Vận hành và Xây lắp PTSC

Ngày 30/09/2025	15,700 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	7.3%	-2.5%	-

DT thuần Q3/25
812
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 305 60.2%
YoY: ▲ 375 85.8%

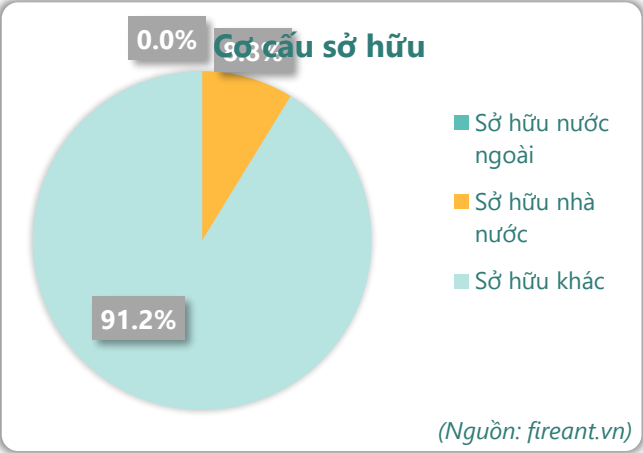
LN thuần Q3/25
29.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 8.90 43.0%
YoY: ▲ 11.6 64.4%

LN sau thuế Q3/25
23.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 4.20 21.8%
YoY: ▲ 8.30 55.1%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
3.6%
YoY: +/-▼ 1.1%

ROE (TTM) Q3/25
9.5%
YoY: +/-▲ 0.8%

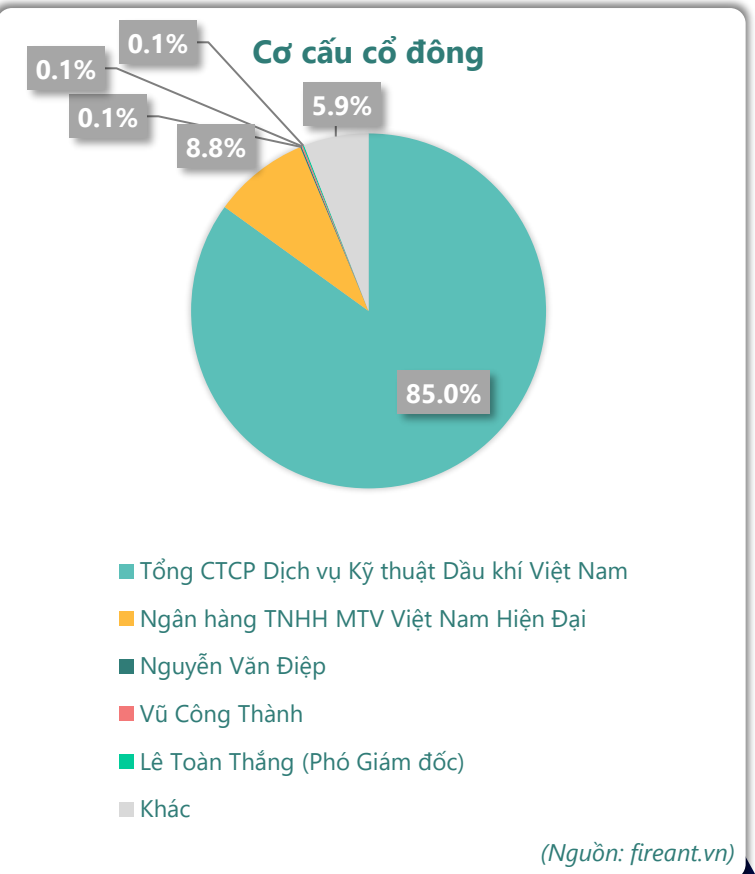
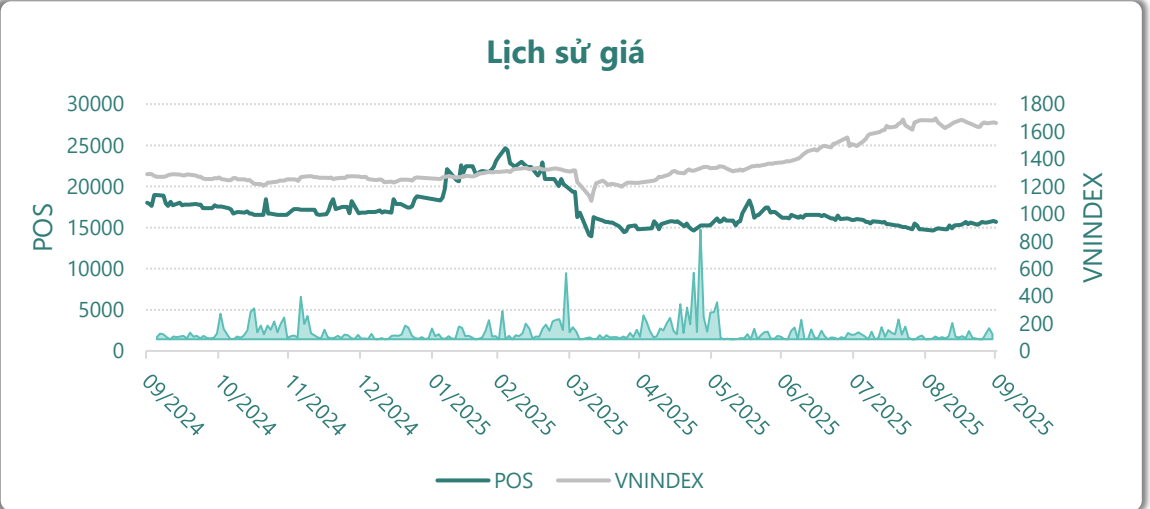
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	13,933 - 24,643
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	722
Số lượng CPLH (CP)	45,999,965
KLGD BQ 20 phiên (CP)	6,615
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	1.60
EPS	1,715
P/E	9.2



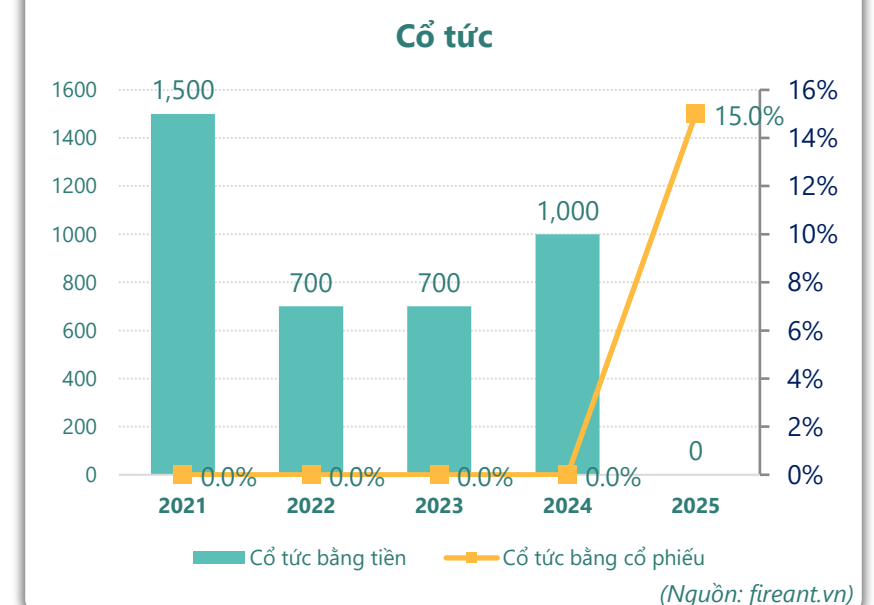
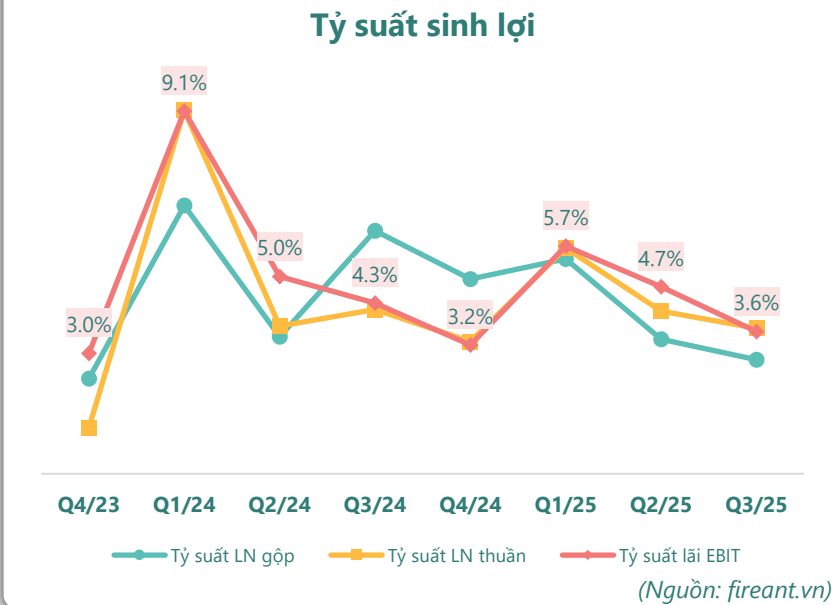
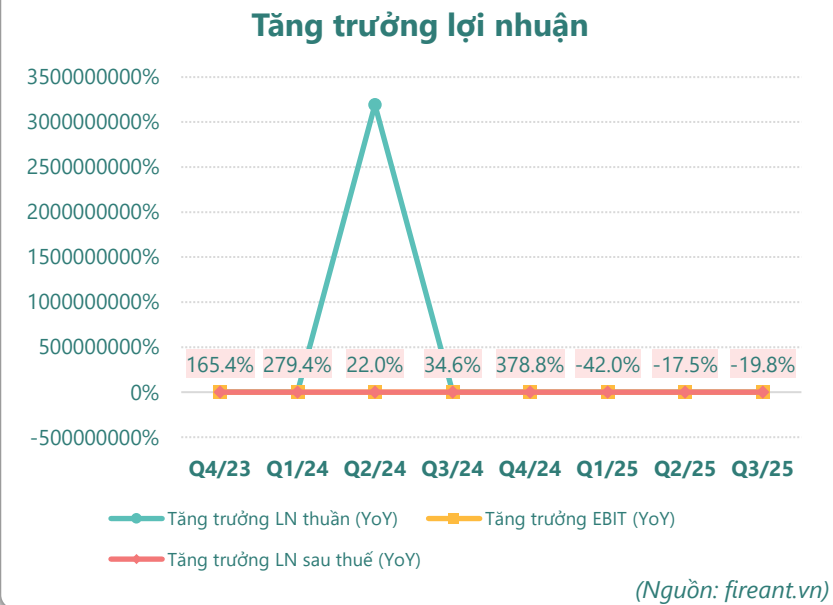
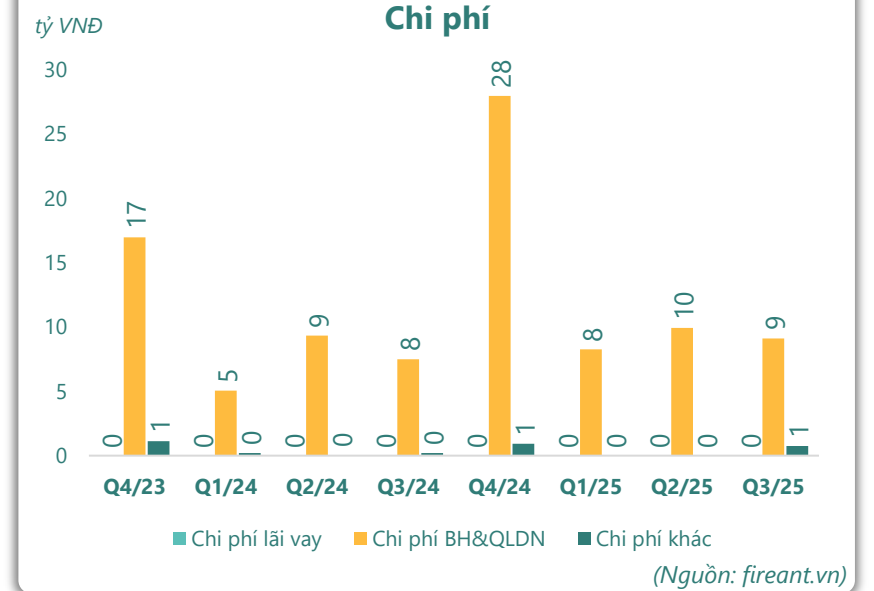
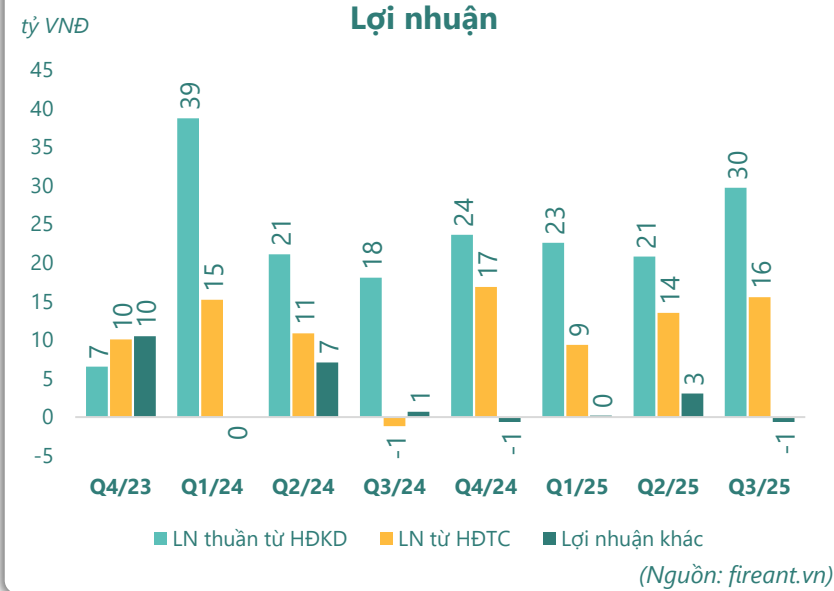
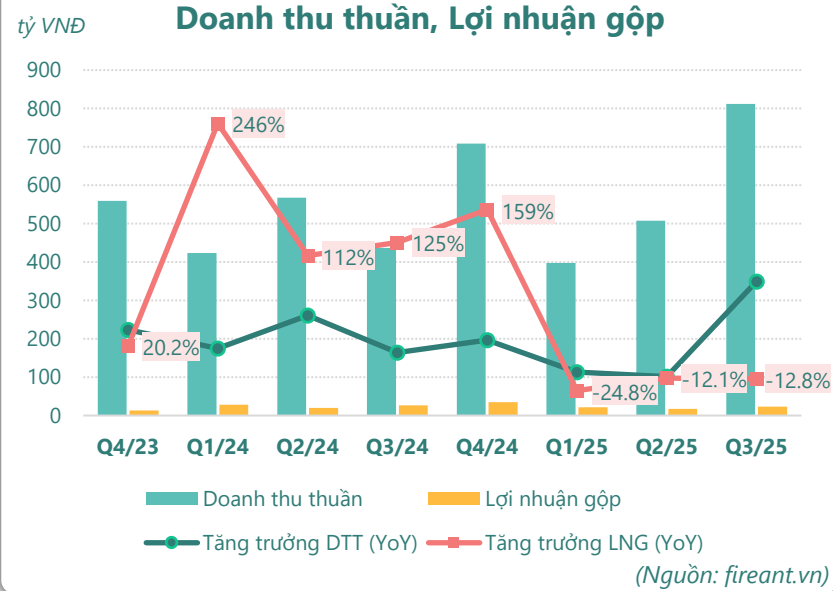
DT thuần 9T 2025
1,717
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 290 20.3%

LN thuần 9T 2025
73.2
tỷ VNĐ
YoY: ▼4.70 -6.1%

LN sau thuế 9T 2025
60.6
tỷ VNĐ
YoY: ▼7.80 -11.4%



KẾT QUẢ KINH DOANH

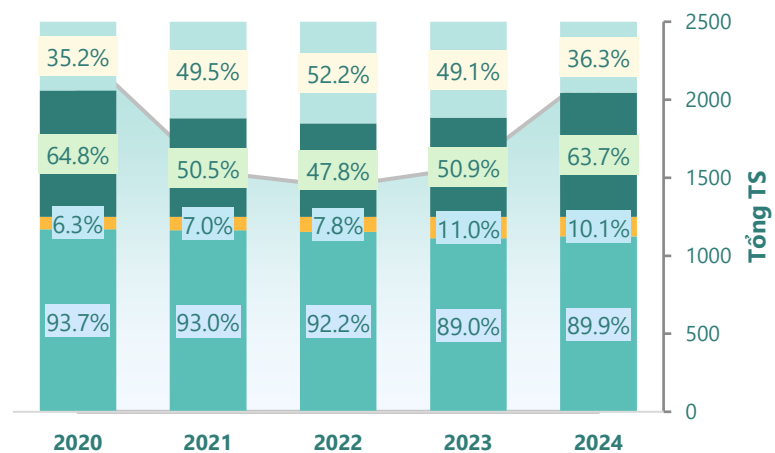




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

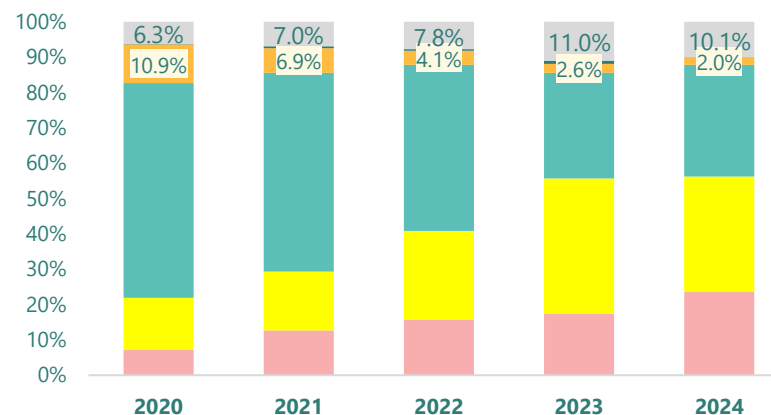
tỷ VNĐ



Tổng tài sản TS ngắn hạn TS dài hạn Nợ phải trả Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

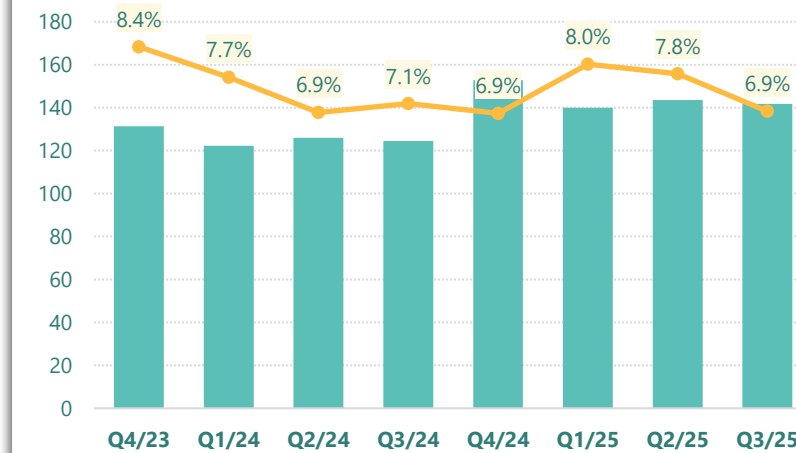


Tiền và TĐ tiền Đầu tư TC ngắn hạn Phải thu ngắn hạn Hàng tồn kho TSNH khác TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

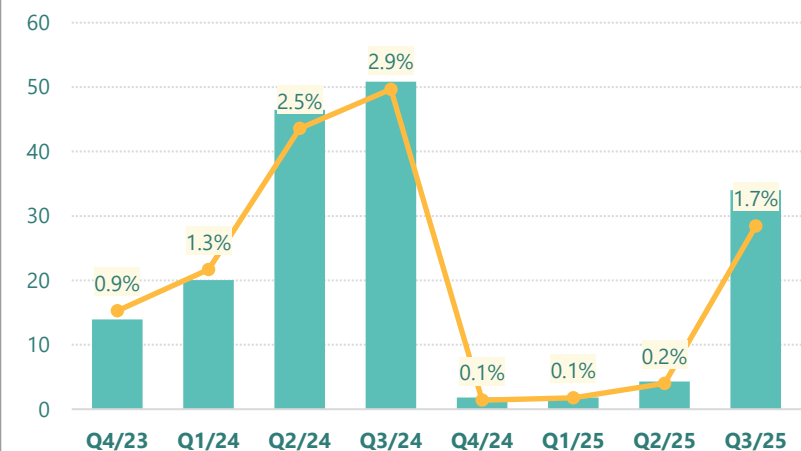


Tài sản cố định TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

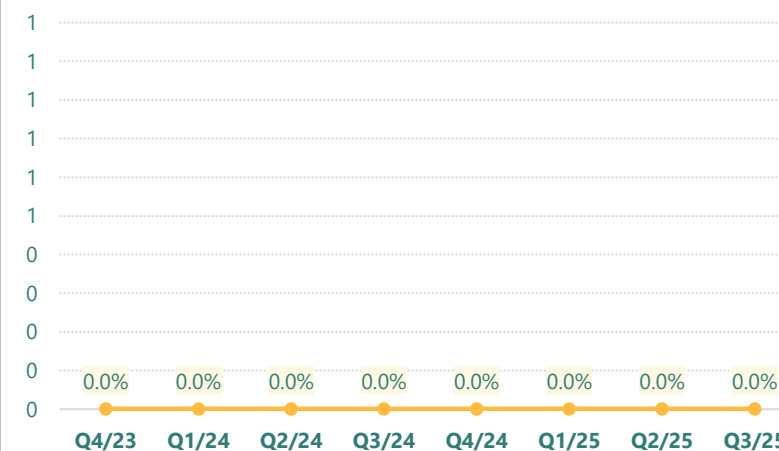


Tài sản dở dang TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

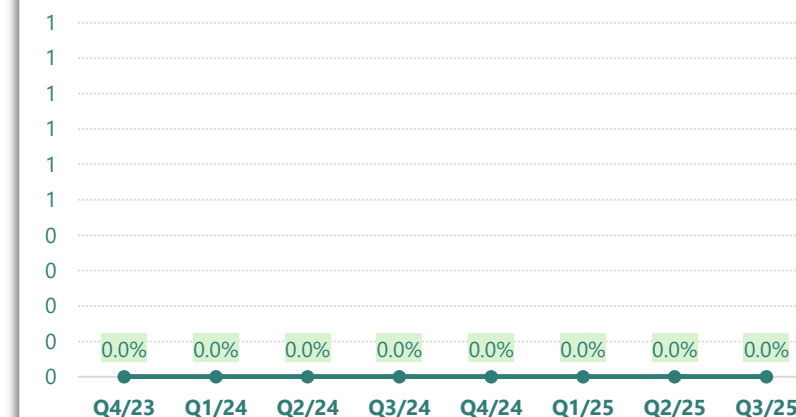


Đầu tư tài chính dài hạn ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ



Vay và nợ thuê ngắn hạn Vay và nợ thuê dài hạn

Tăng trưởng nợ vay

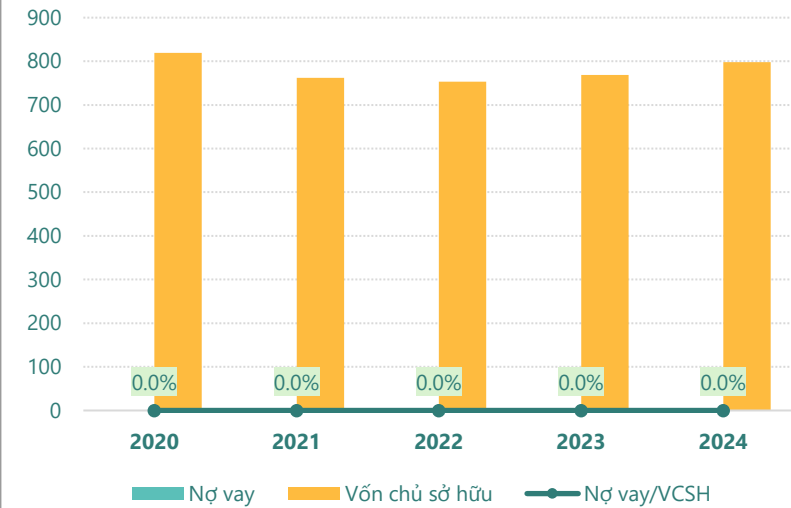
(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

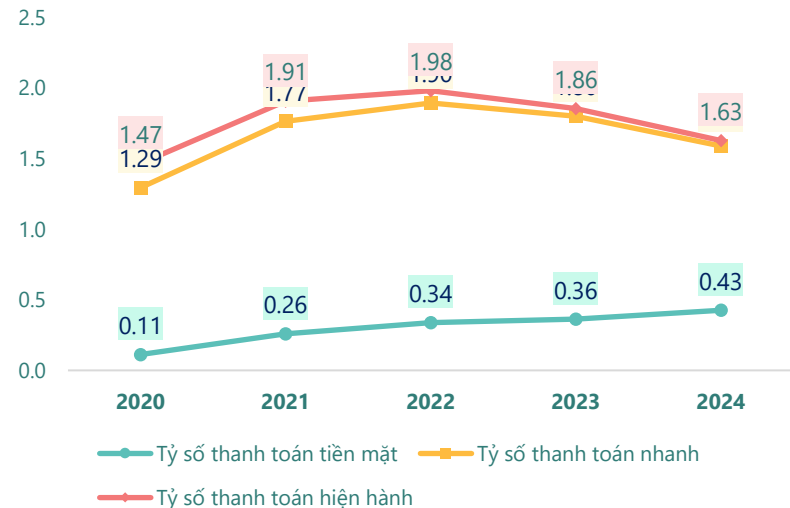
Nợ vay/VCSH

tỷ VNĐ



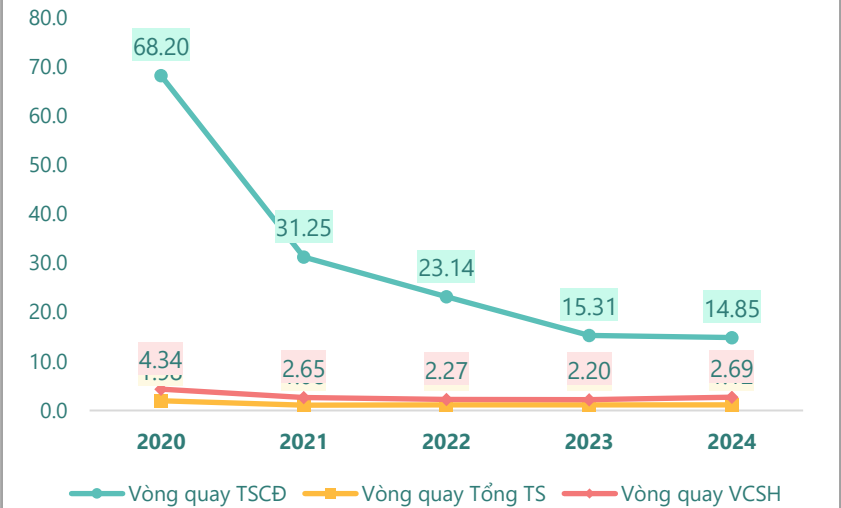
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



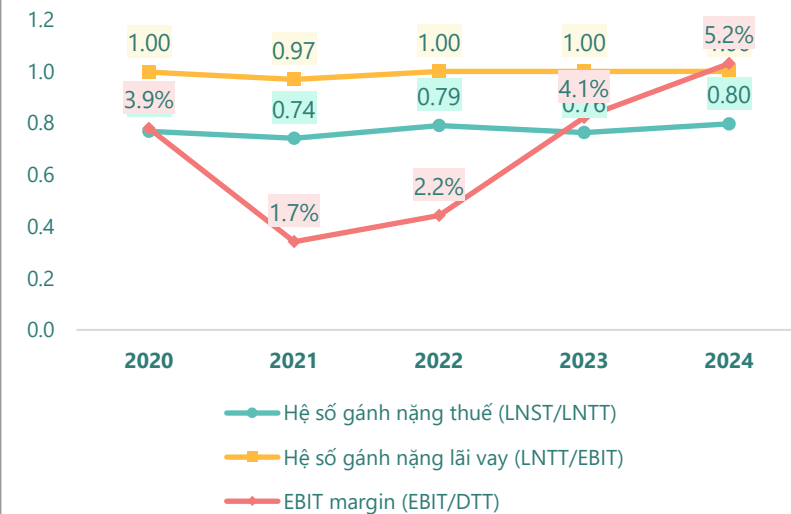
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



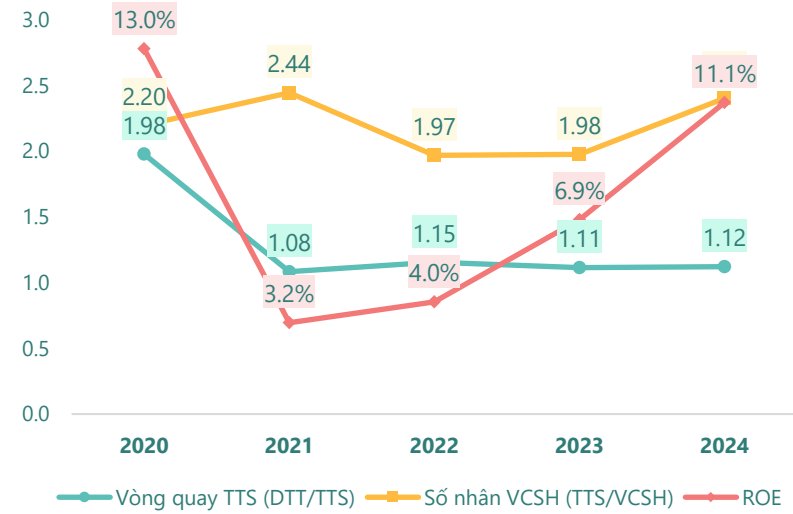
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



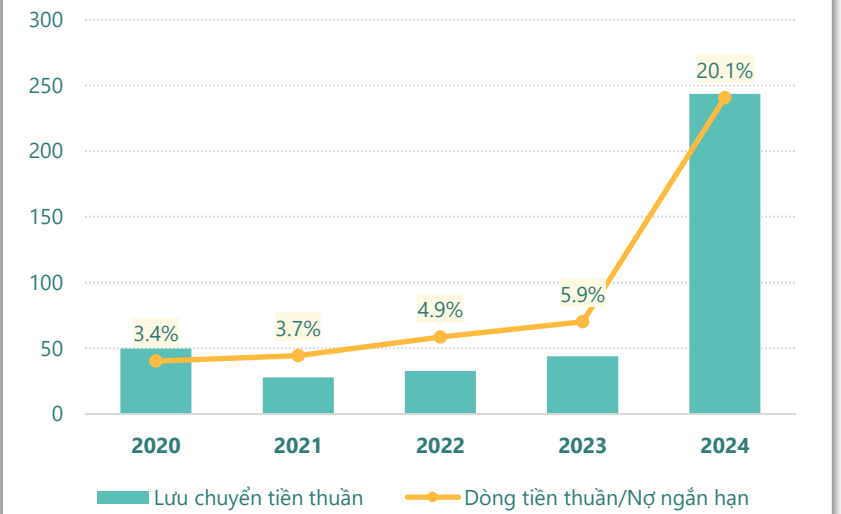
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)



KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	812	437	85.8%	1,717	1,427	20.3%
Giá vốn hàng bán	789	410	92.4%	1,654	1,352	22.4%
Lợi nhuận gộp	23.3	26.8	-12.9%	62.1	75.0	-17.2%
Doanh thu HĐTC	16.2	5.98	172%	40.2	33.6	19.8%
Chi phí TC	0.71	7.17	-90.1%	1.83	8.72	-79.0%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.02	0.46	-95.8%	2.61	0.84	209%
Chi phí QLDN	9.11	7.04	29.3%	24.7	21.1	17.3%
LN thuần từ HĐKD	29.7	18.1	64.4%	73.2	77.9	-6.1%
Lợi nhuận khác	-0.64	0.71	-190%	2.61	7.74	-66.3%
LN trước thuế	29.1	18.8	54.8%	75.8	85.7	-11.5%
Lợi nhuận sau thuế	23.3	15.0	55.1%	60.6	68.4	-11.4%
LNST của CĐ cty mẹ	23.3	15.0	55.1%	60.6	68.4	-11.4%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	46.1	120	197	-131	-167	221
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	269	-248	-76.4	170	124	-9.98
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.01	-0.03	-39.7	-0.07	-0.13	0
Tiền đầu kỳ	249	565	435	517	557	517
Lưu chuyển tiền thuần	315	-128	80.5	38.8	-43.0	211
Ảnh hưởng tỷ giá	0.29	-1.88	2.11	0.73	2.96	1.10
Tiền cuối kỳ	565	435	517	557	517	729

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,050	2,199	-6.8%
Tài sản ngắn hạn	1,822	1,977	-7.9%
Tiền và tương đương tiền	729	517	40.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	402	719	-44.1%
Phải thu ngắn hạn	622	695	-10.5%
Hàng tồn kho	43.1	44.5	-3.2%
Tài sản ngắn hạn khác	25.2	1.34	1777%
Tài sản dài hạn	228	221	3.0%
Phải thu dài hạn	0.01	2.01	-99.8%
Tài sản cố định	142	153	-7.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	34.0	1.81	1777%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	52.2	64.8	-19.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,204	1,401	-14.0%
Nợ ngắn hạn	1,092	1,215	-10.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	460	555	-17.1%
Nợ dài hạn	113	186	-39.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	846	798	6.0%
Vốn chủ sở hữu	846	798	6.0%
Vốn điều lệ	400	400	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

